

UBND TỈNH HUNG YÊN
SỞ XÂY DỰNG
Số: 07/CB-SXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hung Yên, ngày 07 tháng 8 năm 2025

CÔNG BỐ
Giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình tháng 7 năm 2025
trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 09/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính Phủ về quản lý vật liệu xây dựng;

Căn cứ Thông tư 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về Hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 69/2021/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 của UBND tỉnh Hưng Yên Ban hành Quy định phân cấp và phân công nhiệm vụ trong quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 30/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh Hưng Yên Quy định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Quy định Ban hành kèm theo các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp và phân công nhiệm vụ trong quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; quản lý chất lượng công trình xây dựng; quy hoạch xây dựng, kiến trúc trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 33/2025/QĐ-UBND ngày 29/5/2025 của UBND tỉnh Thái Bình Ban hành Quy định phân cấp, phân công Quản lý hoạt động đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Bình;

Căn cứ Quyết định số 11/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Công văn số 165/UBND-NC ngày 14/7/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc hướng dẫn áp dụng văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh Hưng Yên và tỉnh Thái Bình sau 01/7/2025;



Căn cứ Công văn số 606/STC-QLGCS ngày 07/8/2025 của Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên về việc phối hợp xác định giá vật liệu xây dựng tháng 7/2025 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ tình hình biến động giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình tháng 7 năm 2025 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

SỞ XÂY DỰNG TỈNH HƯNG YÊN CÔNG BỐ:

1. Mức giá vật liệu xây dựng phổ biến tháng 7 năm 2025 đối với các vùng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, chưa bao gồm thuế VAT (Có bảng giá kèm theo) cụ thể như sau:

- Vùng 1 gồm: Xã Phụng Công, xã Văn Giang, xã Mỹ Sở, xã Nghĩa Trụ, xã Khoái Châu, xã Triệu Việt Vương, xã Việt Tiến, xã Chí Minh, xã Châu Ninh, xã Lương Bằng, xã Nghĩa Dân, xã Hiệp Cường, xã Đức Hợp.

- Vùng 2 gồm: Xã Như Quỳnh, xã Lạc Đạo, xã Đại Đồng, phường Mỹ Hào, phường Đường Hào, phường Thượng Hồng, xã Yên Mỹ, xã Việt Yên, xã Hoàn Long, xã Nguyễn Văn Linh, xã Ân Thi, xã Xuân Trúc, xã Phạm Ngũ Lão, xã Nguyễn Trãi, xã Hồng Quang.

- Vùng 3 gồm: Phường Phố Hiến, phường Sơn Nam, phường Hồng Châu, xã Tân Hưng, xã Hoàng Hoa Thám, xã Tiên Lữ, xã Tiên Hoa, xã Quang Hưng, xã Đoàn Đào, xã Tiên Tiến, xã Tống Trân, xã Hưng Hà, xã Tiên La, xã Lê Quý Đôn, xã Hồng Minh, xã Thần Khê, xã Diên Hà, xã Ngự Thiên, xã Long Hưng, xã Quỳnh Phụ, xã Minh Thọ, xã Nguyễn Du, xã Quỳnh An, xã Ngọc Lâm, xã Đồng Bằng, xã A Sào, xã Phụ Dực, xã Tân Tiến.

- Vùng 4 gồm: Phường Thái Bình, phường Trần Lãm, phường Trần Hưng Đạo, phường Trà Lý, phường Vũ Phúc, xã Đông Hưng, xã Bắc Tiên Hưng, xã Đông Tiên Hưng, xã Nam Đông Hưng, xã Bắc Đông Quan, xã Bắc Đông Hưng, xã Đông Quan, xã Nam Tiên Hưng, xã Tiên Hưng, xã Vũ Thư, xã Thư Trì, xã Vạn Xuân, xã Vũ Tiên, xã Thư Vũ, xã Tân Thuận, xã Kiến Xương, xã Lê Lợi, xã Quang Lịch, xã Vũ Quý, xã Bình Thanh, xã Bình Định, xã Hồng Vũ, xã Bình Nguyên, xã Trà Giang.

- Vùng 5 gồm: Xã Thái Thụy, xã Nam Thụy Anh, xã Bắc Thái Ninh, xã Thái Ninh, xã Đông Thái Ninh, xã Nam Thái Ninh, xã Tây Thái Ninh, xã Tây Thụy Anh, xã Tiền Hải, xã Tây Tiền Hải, xã Ái Quốc, xã Đông Châu, xã Đông Tiền Hải, xã Nam Cường, xã Hưng Phú, xã Nam Tiền Hải.

2. Mức giá nêu tại điểm 1 Công bố này là cơ sở để lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng theo quy định tại Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/2/2021 của Chính phủ. Chủ đầu tư và tổ chức tư vấn khi sử dụng thông tin

về giá vật liệu để lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình căn cứ vào điều kiện thi công, địa điểm công trình, địa điểm cung cấp vật tư, khối lượng vật liệu sử dụng, mục tiêu đầu tư, tính chất công trình, yêu cầu thiết kế và quy định về quản lý chất lượng công trình để xem xét, lựa chọn vật liệu phù hợp, đáp ứng mục tiêu đầu tư, đảm bảo hiệu quả kinh tế, tránh thất thoát, lãng phí.

3. Trường hợp vật liệu xây dựng chưa có trong Công bố giá hoặc đã có nhưng giá chưa phù hợp thì giá vật liệu xây dựng để xác định giá xây dựng công trình thực hiện theo hướng dẫn tại mục 1.2.1 Phụ lục IV Thông tư 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về Hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng./.

Nơi nhận:

- Bộ Xây dựng (để b/c);
- UBND tỉnh (để b/c);
- Sở Tài chính;
- Các Sở, ngành liên quan;
- Các Ban quản lý dự án chuyên ngành;
- UBND các xã, phường;
- Tổ chức, cá nhân liên quan
- Lưu: VP; KT&VLXD.



STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Nhà sản xuất	Vận chuyển (*)	Giá bán (chưa có VAT)	Khu vực
60	Vật liệu khác	Đèn LED chiếu sáng đường		TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 With AMD1:2017) và TCVN 7722-2-3-2007 (IEC 60598-2-3-2002), ISO 9001:2015	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng miền Bắc			
		Đèn Led EPSILON-100W	Cái	"	"	Chân công trình	3.286.000	Tỉnh Hưng Yên
		Đèn Led IOTA-100W, DIM	Cái	"	"	Chân công trình	3.608.000	Tỉnh Hưng Yên
		Đèn Led IOTA-120W, DIM	Cái	"	"	Chân công trình	3.774.000	Tỉnh Hưng Yên
		Đèn Led IOTA-150W, DALI	Cái	"	"	Chân công trình	4.135.000	Tỉnh Hưng Yên
		Đèn Led IOTA-150W, DIM	Cái	"	"	Chân công trình	4.721.000	Tỉnh Hưng Yên
		Đèn Led IOTA-180W, DIM	Cái	"	"	Chân công trình	4.982.000	Tỉnh Hưng Yên
		Bộ đèn LED KAPPA-50W	Cái	"	"	Chân công trình	1.015.000	Tỉnh Hưng Yên
		Bộ đèn LED KAPPA-80W	Cái	"	"	Chân công trình	3.955.000	Tỉnh Hưng Yên
		Bộ đèn LED KAPPA-100W	Cái	"	"	Chân công trình	1.641.000	Tỉnh Hưng Yên
		Bộ đèn LED KAPPA-100W, DIM	Cái	"	"	Chân công trình	4.345.000	Tỉnh Hưng Yên
		Bộ đèn LED KAPPA-120W	Cái	"	"	Chân công trình	1.936.000	Tỉnh Hưng Yên
		Bộ đèn LED KAPPA-120W, DIM	Cái	"	"	Chân công trình	4.510.000	Tỉnh Hưng Yên
		Bộ đèn LED KAPPA-150W, DIM	Cái	"	"	Chân công trình	5.239.000	Tỉnh Hưng Yên
		Bộ đèn LED PI-50W	Cái	"	"	Chân công trình	1.817.200	Tỉnh Hưng Yên
		Bộ đèn LED PI-70W	Cái	"	"	Chân công trình	1.980.000	Tỉnh Hưng Yên
		Bộ đèn LED PI-75W, DIM	Cái	"	"	Chân công trình	2.390.000	Tỉnh Hưng Yên
		Bộ đèn LED PI-90W	Cái	"	"	Chân công trình	2.121.900	Tỉnh Hưng Yên
		Bộ đèn LED PI-100W	Cái	"	"	Chân công trình	2.177.000	Tỉnh Hưng Yên
		Bộ đèn LED PI-100W, DIM	Cái	"	"	Chân công trình	2.585.000	Tỉnh Hưng Yên
		Bộ đèn LED PI-120W	Cái	"	"	Chân công trình	2.774.000	Tỉnh Hưng Yên
		Bộ đèn LED PI-120W, DIM	Cái	"	"	Chân công trình	3.258.000	Tỉnh Hưng Yên
		Bộ đèn LED PI-150W	Cái	"	"	Chân công trình	3.235.000	Tỉnh Hưng Yên
		Bộ đèn LED PI-150W, DIM	Cái	"	"	Chân công trình	3.721.000	Tỉnh Hưng Yên
		Bộ đèn LED PI-160W, DIM	Cái	"	"	Chân công trình	3.797.000	Tỉnh Hưng Yên
		Bộ đèn LED PHI-150W, DIM	Cái	"	"	Chân công trình	5.018.000	Tỉnh Hưng Yên
		Bộ đèn LED CHI-80W, DALI	Cái	"	"	Chân công trình	4.070.000	Tỉnh Hưng Yên
		Bộ đèn LED CHI-100W, DALI	Cái	"	"	Chân công trình	6.536.000	Tỉnh Hưng Yên
		Bộ đèn LED CHI-120W, DIM	Cái	"	"	Chân công trình	7.050.000	Tỉnh Hưng Yên
		Bộ đèn LED CHI-150W, DIM	Cái	"	"	Chân công trình	7.881.200	Tỉnh Hưng Yên
		Bộ đèn LED CHI-180W, DIM	Cái	"	"	Chân công trình	8.280.000	Tỉnh Hưng Yên
		Bộ đèn LED UPSILON-150W, DIM	Cái	"	"	Chân công trình	5.990.000	Tỉnh Hưng Yên

STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Nhà sản xuất	Vận chuyển (*)	Giá bán (chưa có VAT)	Khu vực
		Đèn pha LED chiếu sáng đường phố						
		Đèn pha LED MB02-200w	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014, ISO 9001:2015	"	Chân công trình	2.297.000	Tỉnh Hưng Yên
		Đèn pha LED MB02-300w	Cái	"	"	Chân công trình	3.795.000	Tỉnh Hưng Yên
		Đèn pha LED MB02- 400w	Cái	"	"	Chân công trình	4.155.000	Tỉnh Hưng Yên
		Đèn pha LED MB02-500w	Cái	"	"	Chân công trình	5.995.000	Tỉnh Hưng Yên
		Đèn pha LED MB02-600w	Cái	"	"	Chân công trình	7.952.000	Tỉnh Hưng Yên
		Đèn pha LED MB02-1000w	Cái	"	"	Chân công trình	14.167.000	Tỉnh Hưng Yên
		Khung móng						
		M16x240x240x500-4 (chiều dài 550)	Cái	TCCS01:2018/CSMB	"	Chân công trình	300.000	Tỉnh Hưng Yên
		M16x340x340x500-4 (chiều dài 550)	Cái	"	"	Chân công trình	343.000	Tỉnh Hưng Yên
		M24x300x300x675-4 (chiều dài 750)	Cái	"	"	Chân công trình	500.000	Tỉnh Hưng Yên
		Cột đèn sân vườn trang trí						
		Chùm CH02 (4+1)	Cái	TCCS 01:2018/CSMB, ISO 9001:2015	"	Chân công trình	1.178.000	Tỉnh Hưng Yên
		Chùm CH04 (3+1)	Cái	"	"	Chân công trình	1.524.000	Tỉnh Hưng Yên
		Chùm CH06 (3+1)	Cái	"	"	Chân công trình	834.000	Tỉnh Hưng Yên
		Chùm CH11 (3+1)	Cái	"	"	Chân công trình	1.717.000	Tỉnh Hưng Yên
		Chùm CH07 (4+1)	Cái	"	"	Chân công trình	1.717.000	Tỉnh Hưng Yên
		Chùm CH12	Cái	"	"	Chân công trình	1.593.900	Tỉnh Hưng Yên
		Cột DC06	Cái	"	"	Chân công trình	3.952.000	Tỉnh Hưng Yên
		Cột BANIAN	Cái	"	"	Chân công trình	4.534.000	Tỉnh Hưng Yên
		Cột NOUVO	Cái	"	"	Chân công trình	5.689.000	Tỉnh Hưng Yên
		Cột DC01 (lắp cho cột thép)	Cái	"	"	Chân công trình	4.654.000	Tỉnh Hưng Yên
		Đế DC05	Cái	"	"	Chân công trình	7.794.000	Tỉnh Hưng Yên
		Cần đèn lắp vào thân cột thép D78						
		MB01-D	Cái	TCCS01:2018/CSMB, ISO 9001:2015	"	Chân công trình	1.157.000	Tỉnh Hưng Yên
		MB01-K	Cái	"	"	Chân công trình	1.595.000	Tỉnh Hưng Yên
		MB02-D	Cái	"	"	Chân công trình	961.000	Tỉnh Hưng Yên
		MB02-K	Cái	"	"	Chân công trình	1.340.000	Tỉnh Hưng Yên
		MB06-D	Cái	"	"	Chân công trình	686.000	Tỉnh Hưng Yên
		MB06-K	Cái	"	"	Chân công trình	1.013.000	Tỉnh Hưng Yên
		MB03-D	Cái	"	"	Chân công trình	1.079.000	Tỉnh Hưng Yên
		MB03-K	Cái	"	"	Chân công trình	1.699.000	Tỉnh Hưng Yên
		MB04-D	Cái	"	"	Chân công trình	1.378.000	Tỉnh Hưng Yên
		MB04-K	Cái	"	"	Chân công trình	1.617.000	Tỉnh Hưng Yên

ĐHL

STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Nhà sản xuất	Vận chuyển (*)	Giá bán (chưa có VAT)	Khu vực
		Cột đèn chiếu sáng - Liên cần						
		Cột bát giác, tròn côn H=6m, dày 3mm, bích đế 300x300	Cái	TCCS 01:2018/CSMB, ISO 9001:2015	"	Chân công trình	2.500.000	Tỉnh Hưng Yên
		Cột bát giác, tròn côn H=7m, dày 3mm, bích đế 300x300	Cái	"	"	Chân công trình	2.897.000	Tỉnh Hưng Yên
		Cột bát giác, tròn côn H=7m, dày 3,5mm, bích đế 400x400	Cái	"	"	Chân công trình	3.262.000	Tỉnh Hưng Yên
		Cột bát giác, tròn côn H=8m, dày 3mm, bích đế 300x300	Cái	"	"	Chân công trình	3.328.000	Tỉnh Hưng Yên
		Cột bát giác, tròn côn H=8m, dày 3,5mm, bích đế 400x400	Cái	"	"	Chân công trình	4.156.000	Tỉnh Hưng Yên
		Cột bát giác, tròn côn H=9m, dày 3mm, bích đế 300x300	Cái	"	"	Chân công trình	3.858.000	Tỉnh Hưng Yên
		Cột bát giác, tròn côn H=9m, dày 3,5mm, bích đế 400x400	Cái	"	"	Chân công trình	4.735.000	Tỉnh Hưng Yên
		Cột bát giác, tròn côn H=10m, dày 3mm, bích đế 400x400	Cái	"	"	Chân công trình	4.404.000	Tỉnh Hưng Yên
		Cột bát giác, tròn côn H=10m, dày 3,5mm, bích đế 400x400	Cái	"	"	Chân công trình	5.033.000	Tỉnh Hưng Yên
		Cột bát giác, tròn côn H=10m, dày 4mm, bích đế 400x400	Cái	"	"	Chân công trình	5.365.000	Tỉnh Hưng Yên
		Cột bát giác, tròn côn H=11m, dày 3,5mm, bích đế 400x400	Cái	"	"	Chân công trình	6.043.000	Tỉnh Hưng Yên
		Cột bát giác, tròn côn H=11m, dày 4mm, bích đế 400x400	Cái	"	"	Chân công trình	7.255.000	Tỉnh Hưng Yên
		Cột đèn chiếu sáng rời cần - D78						
		Cột bát giác, tròn côn H=5m, dày 3mm, bích đế 300x300	Cái	TCCS 01:2018/CSMB, ISO 9001:2015	"	Chân công trình	2.268.000	Tỉnh Hưng Yên
		Cột bát giác, tròn côn H=6m, dày 3mm, bích đế 400x400	Cái	"	"	Chân công trình	3.046.000	Tỉnh Hưng Yên
		Cột bát giác, tròn côn H=7m, dày 3mm, bích đế 400x400	Cái	"	"	Chân công trình	3.543.000	Tỉnh Hưng Yên
		Cột bát giác, tròn côn H=7m, dày 3,5mm, bích đế 400x400	Cái	"	"	Chân công trình	4.591.000	Tỉnh Hưng Yên
		Cột bát giác, tròn côn H=8m, dày 3,5mm, bích đế 400x400	Cái	"	"	Chân công trình	4.653.000	Tỉnh Hưng Yên
		Cột bát giác, tròn côn H=8m, dày 4mm, bích đế 400x400	Cái	"	"	Chân công trình	5.199.000	Tỉnh Hưng Yên



ĐuL

STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Nhà sản xuất	Vận chuyển (*)	Giá bán (chưa có VAT)	Khu vực
		Cột bát giác, tròn côn H=9m, dày 3,5mm, bích đế 400x400	Cái	"	"	Chân công trình	6.000.000	Tỉnh Hưng Yên
		Cột bát giác, tròn côn H=9m, dày 4mm, bích đế 400x400	Cái	"	"	Chân công trình	6.598.000	Tỉnh Hưng Yên
		Cột bát giác, tròn côn H=10m, dày 4mm, bích đế 400x400	Cái	"	"	Chân công trình	6.772.000	Tỉnh Hưng Yên
		Cột bát giác, tròn côn H=11m, dày 4mm, bích đế 400x400	Cái	"	"	Chân công trình	7.617.000	Tỉnh Hưng Yên
		Cột bát giác, tròn côn H=12m, dày 4mm, bích đế 400x400	Cái	"	"	Chân công trình	9.179.000	Tỉnh Hưng Yên
		Nắp hồ ga, song chắn rác bằng vật liệu Composite, Gang						
		Song chắn rác Composite, Gang 860x430x60 + Khung 960x530 tải trọng 12.5 tấn	Cái	BS EN 124-5:2015, ISO 9001:2015	"	Chân công trình	2.000.000	Tỉnh Hưng Yên
		Song chắn rác Composite, Gang 860x430x60 TT 12.5 tấn	Cái	"	"	Chân công trình	1.400.000	Tỉnh Hưng Yên
		Song chắn rác Composite, Gang 960x530x30 tải trọng 25 tấn	Cái	"	"	Chân công trình	1.850.000	Tỉnh Hưng Yên
		Song chắn rác Composite, Gang 960x530x60 TT 12.5 tấn	Cái	"	"	Chân công trình	1.680.000	Tỉnh Hưng Yên
		Nắp hồ ga Composite, Gang 850x850x30 tải trọng 12.5 tấn	Cái	"	"	Chân công trình	2.100.000	Tỉnh Hưng Yên
		Nắp hồ ga Composite, Gang 900x900x60 D700 TT 12.5 tấn	Cái	"	"	Chân công trình	2.700.000	Tỉnh Hưng Yên
		Nắp thăm thu kết hợp CPS KT1050x745x80 (mm) TT 12,5 tấn	Cái	"	"	Chân công trình	3.600.000	Tỉnh Hưng Yên
		Nắp hồ ga Composite, Gang 850x850x30 tải trọng 25 tấn	Cái	"	"	Chân công trình	3.230.000	Tỉnh Hưng Yên
		Nắp hồ ga Composite, Gang 850x850x30 tải trọng 40 tấn	Cái	"	"	Chân công trình	3.980.000	Tỉnh Hưng Yên
		Nắp hồ ga Composite, Gang 900x900x60 D700 TT 25 tấn	Cái	"	"	Chân công trình	3.750.000	Tỉnh Hưng Yên
		Nắp hồ ga Composite, Gang 900x900x60 D700 TT 40 tấn	Cái	"	"	Chân công trình	4.250.000	Tỉnh Hưng Yên

DL